|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Luật số: /2020/QH14   |  | | --- | | **DỰ THẢO 3** | |  |

**LUẬT**

**BIÊN PHÒNG VIỆT NAM**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật Biên phòng Việt Nam*.

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định chính sách, nguyên tắc, lực lượng nòng cốt, chuyên trách, biện pháp thực thi nhiệm vụ biên phòng, hình thức quản lý, bảo vệ biên giới; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên quy định khác thì áp dụng theo điều ước quốc tế đó.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Biên phòng* là công cuộc xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới bằng sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc; trong đó các bộ, ngành Trung ương, chính quyền địa phương, lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

2. *Nền biên phòng toàn dân* là sức mạnh phòng thủ biên giới, được xây dựng trên nền tảng chính trị, tinh thần, nhân lực, vật lực, toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ.

3. *Xây dựng khu vực biên giới vững mạnh* là tổng thể các quy hoạch, kế hoạch, đầu tư các nguồn lực để phát triển tiềm lực về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới.

4. *Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia* là hoạt động tham mưu và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật nhằm quản lý, bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ biên giới quốc gia, an ninh, trật tự, tài nguyên, môi trường, lợi ích quốc gia, dân tộc ở khu vực biên giới.

**Điều 4. Chính sách của Nhà nước về biên phòng**

1. Thực hiện chính sách độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; mở rộng hợp tác quốc tế, đối ngoại quốc phòng, an ninh, đối ngoại biên phòng.

2. Không sử dụng khu vực biên giới, không cho nước ngoài hoặc các thế lực khác sử dụng khu vực biên giới của Việt Nam để chống phá, can thiệp vào nước khác; không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ biên giới; giải quyết mọi bất đồng, tranh chấp trên biên giới bằng biện pháp hòa bình trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, cùng có lợi phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế về biên giới quốc gia mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, hệ thống chính trị các cấp, nền biên phòng toàn dân gắn với nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, đối ngoại ở khu vực biên giới.

4. Xây lực lượng toàn dân bảo vệ biên giới quốc gia rộng khắp, nhân dân là chủ thể, lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, Bộ đội Biên phòng là lực lượng chuyên trách.

5. Huy động các nguồn lực của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong thực thi nhiệm vụ biên phòng.

**Điều 5. Nguyên tắc thực thi nhiệm vụ biên phòng**

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các điều ước quốc tế về biên giới quốc gia mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biên giới quốc gia của các nước trên cơ sở luật pháp quốc tế.

2. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam; sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ.

3. Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, hệ thống chính trị, dựa vào nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

4. Kết hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng với củng cố, xây dựng, phát triển chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở khu vực biên giới, vùng biển, đảo và phát triển quan hệ đối ngoại.

**Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Xâm phạm chủ quyền, lãnh thổ, phá hoại, gây mất ổn định an ninh, trật tự ở khu vực biên giới, cửa khẩu.

2. Chống lại, cản trở lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng.

3. Mua chuộc, hối lộ, dụ dỗ, lôi kéo hoặc ép buộc lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng làm trái chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn.

4. Lợi dụng, lạm dụng việc thực thi nhiệm vụ biên phòng để vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân; cản trở hoạt động hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở khu vực biên giới, cửa khẩu.

5. Phân biệt đối xử về giới, dân tộc, chủng tộc, quốc tịch, tôn giáo trong thực thi nhiệm vụ biên phòng.

6. Các hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật.

**Chương II**

**NHIỆM VỤ BIÊN PHÒNG; LỰC LƯỢNG, BIỆN PHÁP**

**THỰC THI NHIỆM VỤ BIÊN PHÒNG**

**Điều 7. Nhiệm vụ biên phòng**

1. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc, hòa bình, an ninh, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, tài nguyên, môi trường ở biên giới, cửa khẩu.

2. Duy trì an ninh, trật tự, thực thi pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế về biên giới, cửa khẩu mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Hợp tác quốc tế và đối ngoại biên phòng, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

4. Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu chống chiến tranh xâm lược, xung đột vũ trang ở biên giới.

5. Xây dựng khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự vững mạnh; xây dựng công trình biên giới; phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn ở biên giới.

6. Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nền biên phòng toàn dân gắn với nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân ở biên giới vững mạnh.

7. Quy hoạch bố trí dân cư, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội gắn với xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh ở biên giới.

**Điều 8. Lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng**

1. Lực lượng nòng cốt bao gồm cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị thuộc bộ, ngành Trung ương, chính quyền địa phương và lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Lực lượng chuyên trách là cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an.

**Điều 9. Biện pháp thực thi nhiệm vụ biên phòng**

1. Các biện pháp thực thi nhiệm vụ biên phòng bao gồm:

a) Vận động quần chúng;

b) Pháp luật;

c) Đối ngoại;

d) Kinh tế;

đ) Khoa học - kỹ thuật;

e) Nghiệp vụ;

g) Vũ trang.

2. Chính phủ quy định chi tiết biện pháp nghiệp vụ tại khoản 1 Điều này.

**Điều 10. Phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng**

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới.

2. Các bộ, ngành Trung ương, chính quyền địa phương chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng xây dựng biên giới quốc gia, khu vực biên giới.

3. Nguyên tắc phối hợp

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, địa bàn hoạt động của các cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng và chính quyền địa phương theo quy định pháp luật; không làm cản trở hoạt động hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

b) Bảo đảm sự điều hành tập trung, thống nhất, bí mật theo quy định pháp luật;

c) Chủ động, linh hoạt, kịp thời, cụ thể và hiệu quả, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chủ trì.

d) Đối với vụ việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều cơ quan, tổ chức, lực lượng: Trường hợp cơ quan, tổ chức, lực lượng phát hiện mà không có thẩm quyền giải quyết, xử lý thì phải thông báo ngay và phối hợp với cơ quan, tổ chức, lực lượng có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ việc. Trong tình huống cấp thiết, để ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật thì cơ quan, tổ chức, lực lượng phát hiện sau khi áp dụng các biện pháp khẩn cấp phải chuyển giao hồ sơ, người, phương tiện, tang vật vi phạm pháp luật cho cơ quan, tổ chức, lực lượng có thẩm quyền chủ trì giải quyết. Cơ quan, tổ chức, lực lượng tiếp nhận có trách nhiệm thông báo kết quả điều tra, xử lý cho cơ quan, tổ chức, lực lượng chuyển giao biết.

4. Nội dung phối hợp

a) Đề xuất chủ trương, chính sách, pháp luật về xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới;

b) Tổ chức thực thi pháp luật về biên phòng, xây dựng nền biên phòng toàn dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân ở khu vực biên giới;

c) Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự ở khu vực biên giới, cửa khẩu;

d) Xây dựng khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự ở khu vực biên giới;

đ) Giáo dục và đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ; trao đổi kinh nghiệm và tăng cường năng lực của các lực lượng.

e) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về biên phòng;

g) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định pháp luật có liên quan.

**Chương III**

**HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ BIÊN PHÒNG**

**Điều 11. Nguyên tắc hợp tác quốc tế**

1. Tuân thủ pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bảo đảm độc lập, chủ quyền, lãnh thổ biên giới quốc gia, lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở khu vực biên giới; tôn trọng các nguyên tắc thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định tại Luật này.

2. Bảo đảm đúng đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước.

**Điều 12. Nội dung hợp tác quốc tế**

1. Thiết lập, phát triển quan hệ biên phòng, xây dựng, mở rộng quan hệ hữu nghị với chính quyền địa phương, lực lượng chức năng các nước có chung đường biên giới và các quốc gia, tổ chức quốc tế.

2. Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, kiểm soát xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu.

4. Xây dựng và thực thi các cơ chế hợp tác biên phòng song phương, đa phương.

3. Đàm phán, giải quyết các vấn đề, vụ việc về biên giới*,* cửa khẩu.

5. Đấu tranh ngăn chặn mọi hành động làm phương hại đến quan hệ biên giới giữa Việt Nam với các nước; phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật.

6. Phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn ở khu vực biên giới, vùng biển.

7. Giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ; trao đổi kinh nghiệm, tăng cường năng lực của lực lượng bảo vệ biên giới, cửa khẩu.

**Điều 13. Hình thức hợp tác quốc tế**

1. Ký kết điều ước, thỏa thuận quốc tế về quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, cửa khẩu.

2. Thông qua các cơ chế Ủy ban hợp tác thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo điều ước quốc tế được ký kết giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới.

3. Hội đàm định kỳ hoặc đột xuất, thăm xã giao, hội nghị, hội thảo, giao lưu hợp tác quốc tế liên quan đến nhiệm vụ biên phòng.

4. Trực tiếp hoặc gián tiếp trao đổi, chia sẻ thông tin về biên giới quốc gia.

5. Các hình thức hợp tác quốc tế khác theo quy định pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

**Chương IV**

**BẢO ĐẢM VÀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VỀ BIÊN PHÒNG**

**Điều 14. Bảo đảm nguồn nhân lực**

Công dân Việt Nam là nguồn nhân lực chủ yếu xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới. Nhà nước có chính sách, kế hoạch tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; ưu tiên nguồn nhân lực chất lượng cao, người dân tộc thiểu số, cư dân ở khu vực biên giới vào lực lượng nòng cốt, chuyên trách thực thi nhiệm vụ biên phòng.

**Điều 15. Bảo đảm nguồn lực tài chính**

Nhà nước bảo đảm ngân sách và huy động các nguồn lực tài chính cho nhiệm vụ biên phòng theo quy định của pháp luật về ngân sách và pháp luật khác có liên quan; ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình biên giới và xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách thực thi nhiệm vụ biên phòng.

**Điều 16. Bảo đảm tài sản**

Nhà nước bảo đảm tài sản cho nhiệm vụ biên phòng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan; ưu tiên bảo đảm tài sản cho các cơ quan, đơn vị ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

**Điều 17. Chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực thi nhiệm vụ biên phòng**

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới được Nhà nước ưu tiên, hỗ trợ về tài chính, đất đai theo pháp luật hiện hành.

2. Nhà nước có chính sách ưu đãi đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực thi nhiệm vụ biên phòng và chính sách đặc thù ở khu vực biên giới.

3. Nhà nước ghi nhận công lao, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có thành tích xuất sắc trong thực thi nhiệm vụ biên phòng, tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng và được Nhà nước bảo vệ khi có yêu cầu; bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường; bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương tích, tổn hại sức khỏe, tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

**Chương V**

**LỰC LƯỢNG BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG**

**Điều 18. Vị trí, chức năng của Bộ đội Biên phòng**

1. Bộ đội Biên phòng là lực lượng vũ trang nhân dân, thành phần của Quân đội nhân dân Việt Nam, là lực lượng chuyên trách làm nòng cốt thực thi nhiệm vụ biên phòng.

2. Bộ đội Biên phòng có chức năng tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất với Đảng, Nhà nước về chính sách, pháp luật về biên phòng; thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự và thực thi pháp luật ở khu vực biên giới, cửa khẩu; thực hiện đối ngoại biên phòng; sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống chiến tranh xâm lược, xung đột ở biên giới.

**Điều 19. Nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng**

1. Trực tiếp, phối hợp với các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương nơi có biên giới thực hiện quản lý, bảo vệ đường biên giới quốc gia, hệ thống dấu hiệu đường biên giới, mốc quốc giới, tính uy nghiêm, biểu tượng quốc gia ở biên giới, cửa khẩu.

2. Thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình để đề xuất Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng về chủ trương, chính sách, pháp luật, giải pháp, phương án quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

3. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch; phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thực thi pháp luật về biên giới quốc gia; duy trì an ninh, trật tự tại khu vực biên giới, cửa khẩu; kiểm tra, kiểm soát việc qua lại biên giới quốc gia; kiểm soát xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.

5. Thực hiện hợp tác quốc tế về biên phòng; thực hiện đối ngoại quốc phòng, đối ngoại biên phòng, đối ngoại nhân dân, giải quyết các vấn đề, vụ việc về biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với các đơn vị của lực lượng vũ trang nhân dân và dựa vào nhân dân xây dựng khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự tỉnh, huyện biên giới vững mạnh; sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu chống chiến tranh xâm lược, xung đột vũ trang ở khu vực biên giới.

7. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

8. Tham gia huy động, tiếp nhận, sử dụng nhân lực, phương tiện dân sự bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ biên giới quốc gia, vùng biển; phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn và tham gia khắc phục thảm họa, sự cố môi trường ở biên giới, vùng biển.

9. Tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nền biên phòng toàn dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân ở khu vực biên giới vững mạnh; quy hoạch bố trí dân cư, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình biên giới, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội gắn với xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới.

**Điều 20. Quyền hạn của Bộ đội Biên phòng**

1. Bố trí, sử dụng lực lượng, phương tiện, biện pháp nghiệp vụ, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, trang bị kỹ thuật để tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật ở biên giới, cửa khẩu; tác chiến trong khu vực phòng thủ; cứu hộ, cứu nạn.

2. Áp dụng các biện pháp thực thi nhiệm vụ biên phòng, hình thức quản lý, bảo vệ biên giới theo quy định tại Điều 9, Điều 21của Luật này. Hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động ở khu vực biên giới, cửa khẩu, qua lại biên giới theo quy định pháp luật; cấp thị thực và các loại giấy phép trong lĩnh vực quản lý biên giới quốc gia thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng; kiểm tra, kiểm soát, xử lý phương tiện khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới, cửa khẩu.

3. Áp dụng các biện pháp cơ bản bảo vệ an ninh quốc gia ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật về an ninh quốc gia; tiến hành hoạt động điều tra hình sự, xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Khi thi hành nhiệm vụ, cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng được sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

5. Trong chiến đấu, truy lùng, truy đuổi người phạm tội quả tang, người đang có quyết định truy nã, ngăn chặn hành vi phạm tội, tìm kiếm cứu nạn thì cán bộ, chiến sỹ Bộ đội Biên phòng được huy động, sử dụng người, tàu thuyền và phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự của cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ, giúp đỡ trong trường hợp khẩn cấp.

6. Trường hợp vì mục đích nhân đạo, hòa bình, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, kiểm soát xuất nhập cảnh, đảm bảo an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật được hoạt động ngoài biên giới và địa bàn nội địa theo quy định pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

7. Trực tiếp, tham gia đàm phán, xây dựng các điều ước, thỏa thuận quốc tế và giải quyết các sự kiện về biên giới, cửa khẩu.

8. Quan hệ, phối hợp với chính quyền địa phương, lực lượng chức năng các nước có chung đường biên giới, các nước và tổ chức quốc tế khác trong quản lý, bảo vệ biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

9. Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của lực lượng chuyên trách thực thi nhiệm vụ biên phòng.

**Điều 21. Hình thức quản lý, bảo vệ biên giới**

1. Trong thời bình

a) Quản lý, bảo vệ biên giới thường xuyên;

b) Quản lý, bảo vệ biên giới tăng cường.

2. Trong các trạng thái quốc phòng

a) Quản lý, bảo vệ biên giới trong thi hành lệnh giới nghiêm;

b) Quản lý, bảo vệ biên giới trong thi hành lệnh thiết quân luật;

c) Quản lý, bảo vệ biên giới trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng;

d) Quản lý, bảo vệ biên giới trong tình trạng chiến tranh.

3. Thẩm quyền quyết định

a) Tư lệnh Biên phòng quyết định chuyển hình thức quản lý, bảo vệ biên giới từ thường xuyên lên tăng cường đối với toàn bộ hoặc một số đơn vị thuộc quyền;

b) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định hình thức quản lý, bảo vệ biên giới trong thi hành lệnh giới nghiêm, thiết quân luật, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh theo quy định của pháp luật về quốc phòng.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể hình thức quản lý, bảo vệ biên giới thường xuyên và tăng cường trong thời bình của Bộ đội Biên phòng.

**Điều 22. Phối hợp hoạt động**

1. Bộ đội Biên phòng chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ đội Biên phòng theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc phối hợp giữa Bộ đội Biên phòng và các lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng.

**Điều 23. Hệ thống tổ chức**

1. Hệ thống tổ chức của Bộ đội Biên phòng bao gồm:

a) Bộ Tư lệnh Biên phòng;

b) Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Biên phòng;

c) Đồn Biên phòng, Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng, Hải đội biên phòng.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 24. Cấp bậc, quân hàm, chức vụ, chế độ phục vụ, chế độ, chính sách đối với Bộ đội Biên phòng**

1. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, phong, thăng, giáng, tước quân hàm nâng lương, hạ lương, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, chế độ phục vụ, thôi phục vụ, chế độ, chính sách, quyền lợi và các quy định khác đối với cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng được thực hiện theo Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự và các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng khi phục vụ tại ngũ được hưởng chế độ ưu đãi phù hợp với tính chất nhiệm vụ, đặc thù công tác, địa bàn hoạt động theo quy định pháp luật.

**Điều 25. Trang bị của Bộ đội Biên phòng**

1. Bộ đội Biên phòng được trang bị tàu thuyền, máy bay và phương tiện khác; các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết Điều này.

**Điều 26. Ngày truyền thống; tên giao dịch quốc tế; con dấu của Bộ đội Biên phòng**

1. Ngày 03 tháng 3 hàng năm là Ngày truyền thống của Bộ đội Biên phòng và là Ngày Biên phòng toàn dân.

2. Tên giao dịch quốc tế của Bộ đội Biên phòng là Vietnam Border Guard.

3. Bộ đội Biên phòng sử dụng con dấu có hình Quốc huy trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

**Điều 27. Trang phục, màu sắc, cờ hiệu, phù hiệu và dấu hiệu nhận biết phương tiện của Bộ đội Biên phòng**

1. Quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, quân phục, lễ phục của cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng do Chính phủ quy định.

2. Tàu thuyền, máy bay và phương tiện khác của Bộ đội Biên phòng có màu sắc, cờ hiệu, phù hiệu và dấu hiệu nhận biết riêng. Khi làm nhiệm vụ tàu thuyền phải treo quốc kỳ Việt Nam và cờ hiệu Bộ đội Biên phòng.

**Điều 28. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng**

Cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòngđược đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, chuyên môn, nghiệp vụ, pháp luật, ngoại ngữ, tiếng dân tộc và kiến thức cần thiết khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

**Chương VI**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN**

**THỰC THI NHIỆM VỤ BIÊN PHÒNG**

**Điều 29. Trách nhiệm của Chính phủ**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về biên phòng.

2. Nội dung quản lý nhà nước về biên phòng:

a) Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, pháp luật về biên phòng, xây dựng nền biên phòng toàn dân và xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách thực thi nhiệm vụ biên phòng;

b) Tổ chức, chỉ đạo thực thi nhiệm vụ biên phòng;

c) Hợp tác quốc tế thực thi nhiệm vụ biên phòng;

d) Kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo việc thi hành pháp luật về thực thi nhiệm vụ biên phòng;

đ) Sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật về nhiệm vụ biên phòng, xây dựng nền biên phòng toàn dân và “Ngày Biên phòng toàn dân”;

e) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biên phòng.

**Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng**

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, chính quyền địa phương thực hiện quản lý nhà nước về biên phòng.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

3. Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, chính quyền địa phương trong xây dựng biên giới, khu vực biên giới.

4. Hướng dẫn bộ, ngành Trung ương, chính quyền địa phương nơi có biên giới về thực thi nhiệm vụ biên phòng.

5. Xây dựng lực lượng chuyên trách thuộc Bộ Quốc phòng thực thi nhiệm vụ biên phòng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số thành phần tiến thẳng lên hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

6. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nhiệm vụ, quyền hạn các lực lượng thuộc quyền trong thực thi nhiệm vụ biên phòng.

**Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao**

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các bộ, ngành Trung ương đề xuất chủ trương, chính sách quản lý nhà nước về biên giới quốc gia.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành Trung ương thực hiện hoạt động đối ngoại biên phòng; hướng dẫn lực lượng chuyên trách thực thi nhiệm vụ biên phòng về nghiệp vụ đối ngoại biên phòng.

3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên giới thực hiện chức năng quản lý nhà nước về biên giới quốc gia và thực thi nhiệm vụ biên phòng.

4. Phối hợp với Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo hoặc hướng dẫn xử lý theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh trong hoạt động của các ngành, các địa phương liên quan quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

5. Phối hợp với Bộ Quốc phòng đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn lực lượng chuyên trách thực thi nhiệm vụ biên phòng về pháp luật, nghiệp vụ đối ngoại và giải quyết vụ việc liên quan đến biên giới và người nước ngoài.

**Điều 32. Trách nhiệm của Bộ Công an**

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao thực thi nhiệm vụ biên phòng.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, chính quyền địa phương xây dựng, củng cố nền an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, nền biên phòng toàn dân ở khu vực biên giới.

3. Chỉ đạo Công an các cấp phối hợp với cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, chính quyền địa phương thực thi nhiệm vụ biên phòng.

4. Duy trì và phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, chính quyền địa phương giữ gìn an ninh, trật tự ở khu vực biên giới.

5. Phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện kiểm soát xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.

6. Tham gia xử lý các tình huống quân sự, quốc phòng ở khu vực biên giới.

7. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 33. Trách nhiệm của bộ, ngành Trung ương**

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về biên phòng.

2. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật về biên phòng.

3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án về nhiệm vụ biên phòng.

4. Tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền biên phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân và xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách thực thi nhiệm vụ biên phòng.

5. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết thực thi nhiệm vụ biên phòng.

6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 34. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Hội đồng nhân dân các cấp nơi có biên giới quốc gia:

a) Quyết định chủ trương, biện pháp, huy động các nguồn lực bảo đảm thực thi nhiệm vụ biên phòng phù hợp với Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền biên phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân vững mạnh;

b) Quyết định ngân sách bảo đảm thực thi nhiệm vụ biên phòng và xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách ở địa phương;

c) Kiểm tra, giám sát thực hiện pháp luật về biên phòng ở địa phương;

d) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về biên phòng theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các cấp nơi có biên giới quốc gia:

a) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm quản lý hành chính nhà nước về biên phòng;

b) Lập dự toán ngân sách trình Hội đồng nhân dân cùng cấp đảm bảo thực thi nhiệm vụ biên phòng và xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách theo quy định của pháp luật;

c) Tập trung và huy động các nguồn lực xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền biên phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân vững mạnh ở địa phương;

d) Quy hoạch, bố trí dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng; kết hợp phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại ở biên giới;

đ) Chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan, đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân tổ chức phong trào quần chúng nhân dân tham gia quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự ở biên giới;

e) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan phát triển bền vững kinh tế, văn hoá, xã hội ở biên giới;

g) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biên phòng; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

3. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nơi không có biên giới quốc gia:

a) Hội đồng nhân dân các cấp: Quyết định chủ trương, biện pháp, ngân sách, kiểm tra, giám sát, huy động các nguồn lực bảo đảm thực thi nhiệm vụ biên phòng;

b) Ủy ban nhân dân các cấp: Tham gia, phối hợp với các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị thực thi nhiệm vụ biên phòng, góp phần xây dựng nền biên phòng toàn dân ở biên giới vững mạnh; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biên phòng; tham gia thực hiện hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại ở biên giới; thực hiện “Ngày Biên phòng toàn dân”.

**Điều 35. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức**

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tham gia, phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng; tuyên truyền, giám sát, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về biên phòng.

2. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tham gia, phối hợp với lực lượng nòng cốt, chuyên trách thực thi nhiệm vụ biên phòng theo quy định của pháp luật.

**Điều 36. Trách nhiệm của công dân**

1. Công dân Việt Nam có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ biên giới quốc gia; tham gia, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ lực lượng nòng cốt, chuyên trách thực thi nhiệm vụ biên phòng.

2. Tham gia xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự ở biên giới.

**Chương VII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 37. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2021.

2. Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng số 02/1997/PL-UBTVQH9 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

**Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp**

Tên cơ quan, đơn vị Bộ đội Biên phòng quy định trong các văn bản pháp luật khác được thực hiện theo quy định của Luật này.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày tháng năm 2020.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Nguyễn Thị Kim Ngân**